

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách
cho Dân quân tự vệ trên địa bàn phường, giai đoạn 2026- 2030**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2026
của Hội đồng nhân dân phường Ninh Hoà)

Phần I

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

- Giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của chính quyền địa phương đối với Dân quân tự vệ; tuân thủ trình tự, thủ tục và đúng các văn bản quy phạm pháp luật.

- Cụ thể hóa Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách; Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ; Thông tư số 52/2024/TT-BQP ngày 06/9/2024 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2020/TT-BQP; Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực Dân quân tự vệ khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng; Thông tư số 47/2024/TT-BQP ngày 03/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2020/TT-BQP; Thông tư 83/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc sửa đổi bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và các văn bản pháp luật khác có liên quan, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ để hoàn thiện Kế hoạch về thực hiện tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ, bảo đảm tính hợp pháp và thống nhất, phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Khắc phục hạn chế, vướng mắc, bất cập, nghiên cứu nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, các nhóm giải pháp, kiến nghị, đề xuất, rút ra từ tổng kết thực hiện kế

hoạch giai đoạn 2026-2030.

II. MỤC TIÊU

Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, có số lượng phù hợp, chất lượng tổng hợp ngày càng cao, lấy xây dựng chất lượng chính trị, độ tin cậy là chính; tổ chức biên chế tinh, gọn, mạnh; trang bị phù hợp; được giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự toàn diện, thiết thực; khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy của cấp ủy, chính quyền địa phương và Nhân dân. Chú trọng xây dựng nâng cao chất lượng dân quân tự vệ ở địa bàn trọng điểm về quốc phòng và những địa bàn phức tạp, đảm bảo đủ sức đối phó với các tình huống xảy ra.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Trên địa bàn phường điều chỉnh các nội dung gồm: Nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; tổ chức biên chế Dân quân tự vệ, số lượng cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp phường, Dân quân thường trực phường trọng điểm về quốc phòng; mức hưởng chế độ phụ cấp các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ; mức phụ cấp hàng tháng đối với Tổ đội trưởng; định mức bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ; trang phục, công cụ hỗ trợ của Dân quân tự vệ. Các nội dung còn lại thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản có liên quan về Dân quân tự vệ.

Phần II NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ NGUỒN, TUYỂN CHỌN LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, TỔ CHỨC LUÂN PHIÊN LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Đăng ký, quản lý

Theo Điều 4 Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ.

- Đăng ký công dân trong độ tuổi thực hiện Luật Dân quân tự vệ là nội dung trước tiên của công tác xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, là điều kiện để tuyển chọn công dân có chất lượng để kết nạp vào lực lượng Dân quân tự vệ trong thời bình và mở rộng quy mô lực lượng khi chuyển sang thời chiến. Trách nhiệm đăng ký là do Ban CHQS phường tham mưu Ủy ban nhân dân phường; trước khi đăng ký phải tổ chức tập huấn cho các thành phần tham gia đăng ký, thời điểm đăng ký vào tháng 4 hàng năm, địa điểm đăng ký tại tổ dân phố.

- Đối tượng đăng ký là nam công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; nếu tình nguyện tham gia Dân quân tự vệ thì có thể kéo dài đến 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ; sau đăng ký Ủy ban nhân dân phường tiến hành xét duyệt công dân đủ điều kiện kết nạp vào lực lượng Dân quân tự vệ, công dân đủ điều kiện sẵn sàng mở rộng khi có tình huống về quốc phòng,

tổng hợp kết quả đăng ký báo cáo cấp trên vào báo cáo thống kê công tác dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh 6 tháng đầu năm, hàng năm.

- Đối tượng quản lý bao gồm: Dân quân tự vệ trong độ tuổi; dân quân tự vệ đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; đã hoàn thành nghĩa vụ dân quân tự vệ còn trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ; quân nhân dự bị chưa xếp vào đơn vị dự bị động viên.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn Dân quân tự vệ

Công dân Việt Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ có đủ các tiêu chuẩn sau đây được tuyển chọn vào Dân quân tự vệ:

- Lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

- Có sức khỏe do y tế phường trở lên xác nhận, trừ trường hợp nghiện ma túy, HIV/AIDS, không đủ sức khỏe về thể lực, dị tật, dị dạng. Tuyển chọn vào dân quân thường trực sức khỏe loại 1, 2, 3 theo kết luận của Trung tâm y tế thuộc Sở y tế tỉnh và các cơ sở y tế có đủ chức năng theo quy định.

3. Tổ chức luân phiên lực lượng Dân quân tự vệ

Thực hiện luân phiên là yêu cầu cần thiết, với mục đích thực hiện quân sự hóa toàn dân, đảm bảo tính công bằng xã hội, cung cấp nguồn cho lực lượng vũ trang khi có tình huống hoặc chiến tranh xảy ra. Ban chỉ huy quân sự phường phải lập kế hoạch trình Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phê duyệt, tổ chức luân phiên, cho ra lực lượng Dân quân tự vệ đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định và tổ chức kết nạp lực lượng Dân quân theo Quyết định giao chỉ tiêu của Bộ CHQS tỉnh Khánh Hòa.

II. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

1. Tổ chức đơn vị Dân quân tự vệ

Thực hiện theo Điều 15 Luật Dân quân tự vệ, Điều 7 Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực Dân quân tự vệ khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Chỉ lệnh, Hướng dẫn công tác dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh, công tác quốc phòng địa phương hàng năm của Quân khu 5. Riêng tổ chức, xây dựng lực lượng dân quân phường đạt tỷ lệ so với dân số như sau: Phường có dân số từ 15.000 đến 21.000, tỷ lệ 6,2% - 4,6%; phường có dân số trên 21.000 đến 45.000, tỷ lệ từ 4,5% - 2,5%; phường có dân số trên 45.000 trở lên, tỷ lệ 2,4% - 2,0%; Phường có dân số dưới 15.000 người căn cứ tình hình kinh tế xã hội của địa phương, quyết tâm tác chiến phòng thủ khu vực để tổ chức xây dựng đủ các thành phần lực lượng theo quy định.

1.1. Tổ chức, biên chế, số lượng Dân quân tự vệ

1.1.1. Đối với tỉnh

Tổ chức 1 đại đội pháo phòng không 37^{mm} -1; biên chế 56 dân quân.

1.1.2. Đối với phường

- Lực lượng Dân quân thường trực: Tổ chức 1 trung đội, biên chế 28 dân quân.

- Lực lượng dân quân cơ động: Tổ chức 3 Trung đội; biên chế mỗi trung đội 28 dân quân (*lực lượng lấy ở những địa bàn gần trung tâm hành chính để tiện huy động làm nhiệm vụ khi cần thiết*).

- Lực lượng dân quân binh chủng Pháo binh:

+ Tổ chức 1 Trung đội ĐKZ 82^{mm}; biên chế 19 dân quân.

+ Tổ chức 1 Trung đội Cối 82^{mm}; biên chế 13 dân quân.

+ Lực lượng cối 60^{mm}: Tổ chức 1 khẩu đội; biên chế 04 dân quân.

- Lực lượng dân quân binh chủng phòng không:

+ Tổ chức 1 trung đội SMPK 12,7^{mm}; biên chế 28 dân quân.

- Lực lượng dân quân binh chủng bảo đảm:

+ Thông tin: Tổ chức 2 tiểu đội; biên chế mỗi tiểu đội 09 dân quân.

+ Công binh: Tổ chức 2 tiểu đội; biên chế mỗi tiểu đội 09 dân quân.

+ Y tế: Tổ chức 2 tiểu đội; biên chế mỗi tiểu đội 09 dân quân.

+ Phòng hóa: Tổ chức 2 tiểu đội; biên chế mỗi tiểu đội 06 dân quân.

+ Trinh sát: Tổ chức 2 tiểu đội; biên chế mỗi tiểu đội 06 dân quân.

1.1.3. Đối với tổ dân phố

Lực lượng dân quân tại chỗ: Tổ chức 17 trung đội dân quân tại chỗ, biên chế tiểu đội 09 dân quân và tiểu đội 24 dân quân (Tổ đội trưởng kiêm trung đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân tại chỗ).

1.1.4. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị tự vệ

- Tham mưu Bộ CHQS tỉnh tổ chức thành lập Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (gọi chung là Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức) đối với tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; giải thể Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 Luật Dân quân tự vệ năm 2019.

- Lực lượng tự vệ: Tham mưu thành lập mới các đơn vị Tự vệ Khối Đảng, Khối chính quyền của UBND phường; các cơ quan, đơn vị còn lại tổ chức cấp tiểu đội, trung đội; giải thể các đơn vị tự vệ không đủ điều kiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ năm 2019.

- Rà soát, kiện toàn tổ chức biên chế quân số, thành lập mới các đơn vị tự vệ theo đúng quy định của Thông tư số 77/2020/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Thông tư số 52/2024/TT-BQP ngày 06/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2020/TT-BQP; Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực Dân quân tự vệ khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

1.2. Số lượng Dân quân tự vệ phường

Sau sắp xếp, biên chế, tổng số Dân quân tự vệ có: 1.101 người; trong đó dân quân 1.002 người; tự vệ 99 người, cụ thể:

- Lực lượng dân quân:
 - + Các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân: 130 người.
 - + Chiến sĩ dân quân: 872 người.
- Lực lượng Tự vệ: 99 người.
 - + Các chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ: 11 người.
 - + Chiến sĩ tự vệ: 88 người.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 tổ chức biên chế kèm theo)

1.3. Chất lượng Dân quân tự vệ

- Làm tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới trong lực lượng Dân quân tự vệ; tỷ lệ đảng viên trong đơn vị Dân quân tự vệ đạt 27% trở lên.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của chi bộ quân sự phường, đảm bảo lãnh đạo 100% Ban CHQS phường hoàn thành nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống.

2. Ban chỉ huy quân sự phường, đơn vị tự vệ, tổ đội trưởng

2.1. Ban chỉ huy quân sự phường

- Số lượng theo tổ chức biên chế:
 - + Ban CHQS phường: 04 đ/c (Chính trị viên, Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó)
 - + **Trợ lý, nhân viên: 05 đ/c.**

2.2. Đơn vị tự vệ

- Số lượng đơn vị tự vệ: 11 đơn vị (99 đ/c)
 - Tự vệ Thuế cơ sở 1 tỉnh Khánh Hòa: 01 tiểu đội (09 đ/c).
 - Tự vệ Công ty Đô thị Ninh Hòa: 01 tiểu đội (09 đ/c).
 - Tự vệ Phòng giao dịch số 2 Kho bạc Nhà nước khu vực XIV: 01 tiểu đội (09 đ/c).
 - Tự vệ Đội quản lý điện Ninh Hòa Công ty cổ phần điện lực Khánh Hòa: 01 tiểu đội (09 đ/c).

- Tự vệ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Ninh Hòa: 01 tiểu đội (09đ/c).
- Tự vệ trường THPT Nguyễn Chí Thanh (Điểm chính): 01 tiểu đội (09đ/c).
- Tự vệ trường THPT Nguyễn Chí Thanh (Phân hiệu): 01 tiểu đội (09đ/c).
- Tự vệ trường THPT Nguyễn Trãi: 01 tiểu đội (09đ/c).
- Tự vệ trường Trung cấp nghề Ninh Hòa: 01 tiểu đội (09đ/c)
- Tự vệ Khối đảng: 01 tiểu đội (09đ/c)
- Tự vệ Khối chính quyền: 01 tiểu đội (09đ/c)
- Số lượng các chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ: 11 người.

2.3. Tổ đội trưởng

- Tổng số tổ đội trưởng: 22 người/22 tổ dân phố;

III. TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, HỘI THI, HỘI THAO, DIỄN TẬP

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Thông tư số 47/2024/TT-BQP ngày 03/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020; Thông tư số 83/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc sửa đổi bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực công tác quốc phòng, Dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Tổ chức huấn luyện quân số đạt 100%.

- Huấn luyện các đối tượng Dân quân tự vệ
- + Dân quân thường trực 100% quân số, thời gian 60 ngày/năm.
- + Dân quân năm thứ nhất: 100% quân số huấn luyện; thời gian 15 ngày Huấn luyện tại Ban CHQS phường theo Quyết định triệu tập của Bộ CHQS tỉnh.
- + Huấn luyện Dân quân cơ động 95% quân số trở lên, thời gian 12 ngày/năm.
- + Huấn luyện Dân quân tại chỗ 90% quân số trở lên, thời gian từ 07 ngày/năm;
- + Hội thi, hội thao: Hội thi Dân quân tự vệ (theo chỉ đạo hàng năm của cấp trên); Hội thao lực lượng Dân quân tự vệ 01 lần/năm.
- Diễn tập tác chiến cấp phường trong khu vực phòng thủ: Tổ chức diễn tập theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Ngoài ra tham gia diễn tập do cấp trên tổ chức; diễn tập phòng chống thiên tai, dịch họa theo quyết định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

Hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ tập trung vào các nội dung cơ bản đó là:

1. Hoạt động sẵn sàng chiến đấu: Duy trì và thực hiện chế độ hoạt động sẵn sàng chiến đấu của Dân quân tự vệ. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các Kế hoạch về Dân quân tự vệ. Làm nòng cốt xây dựng phường chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân ở địa phương. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và các hoạt động khác.

Hàng ngày, duy trì lực lượng trực bảo vệ mục tiêu thường xuyên là Trung đội Dân quân thường trực; ngoài ra trực sẵn sàng chiến đấu nhân các ngày Lễ, Tết, sự kiện quan trọng, số đợt và ngày trực sẵn sàng chiến đấu được thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh, vùng trời Việt Nam; bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; đối tượng là Dân quân cơ động, quân số 28 đồng chí, thời gian từ 21h00 đến 05h00 (*bình quân 90 ngày/năm*).

3. Tham gia các hoạt động phòng thủ dân sự: phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy, nổ; dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong môi trường nguy hiểm, độc hại:

- Dân quân cơ động: Quân số 28 đồng chí, ước tính 10 ngày/năm.

- Dân quân thường trực phường: Quân số 28 đồng chí, ước tính 10 ngày/năm.

- Dân quân tại chỗ, binh chủng: Quân số 890 đồng chí, ước tính 05 ngày/năm.

V. BẢO ĐẢM SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG CHO DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Thông tư số 48/2024/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực Dân quân tự vệ khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện

Dân quân thường trực, Dân quân cơ động, Dân quân tự vệ tại chỗ: được trang bị áo giáp, mũ bảo hộ, dùi cui, roi điện, lá chắn... các công cụ hỗ trợ được quản lý chặt chẽ để trong tủ riêng, khi sử dụng phải được sự nhất trí của cấp trên trực tiếp.

3. Bảo đảm cơ sở, vật chất

- Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự phường, nơi ăn, nghỉ cho

Trung đội Dân quân thường trực.

- Bảo đảm tiêu chuẩn, định mức cơ bản trang thiết bị làm việc của Ban chỉ huy quân sự phường, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Vật chất văn hóa tinh thần: Phòng nghỉ, trực của chiến sĩ dân quân trang bị Tivi; hàng ngày, Ban chỉ huy quân sự phường được cấp 01 số Báo Quân đội nhân dân.

- Vật chất huấn luyện, hoạt động: Được bảo đảm vật chất, mô hình, tranh ảnh phục vụ cho công tác huấn luyện và các vật chất khác phục vụ cho hoạt động của Dân quân tự vệ.

- Đầu tư kinh phí mua sắm tủ đựng quân trang dùng chung, kết sắt đựng tài liệu mật cho Ban Chỉ huy quân sự phường và được cấp 02 xe máy.

VI. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Tổng khái toán kinh phí Đề án: 71.430.474.520 đồng.

- Kinh phí khái toán thực chi: 70.029.876.980 đồng (nội dung thực chi).

- + Kinh phí tỉnh bảo đảm: 25.378.865.680 đồng.

- + Kinh phí địa phương bảo đảm: 44.651.011.300 đồng.

- Kinh phí dự phòng 2% phát sinh : 1.400.597.540 đồng

(Phụ lục 2A, 2B, 3, 4, 5).

1.1. Bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ

1.1.1 Bảo đảm trang phục

Trang phục của Dân quân tự vệ được thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

Kinh phí bảo đảm trang phục cho Dân quân tự vệ 2026 - 2030: 8.355.972.680 đồng, cụ thể:

- + Dân quân: 8.067.912.380 đồng (Ngân sách tỉnh bảo đảm)

- + Tự vệ: 288.060.300 đồng (Ngân sách tỉnh bảo đảm)

(Chi tiết tại Phụ lục 2A, 2B khái toán kinh phí kèm theo).

1.1.2. Bảo đảm phụ cấp tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.

- Bảo đảm phụ cấp tháng

- + Đối với Tổ đội trưởng: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng 1.170.000 đồng (theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định).

- Bảo đảm phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ được chi trả theo tháng, mức hưởng:

+ Trung đội trưởng Dân quân cơ động, Trung đội trưởng Dân quân thường trực: 468.000 đồng;

+ Tổ đội trưởng: 280.800 đồng và hưởng thêm 234.000 đồng khi kiêm nhiệm chức vụ tiểu đội trưởng hoặc hưởng thêm 280.800 đồng khi kiêm nhiệm chức vụ trung đội trưởng dân quân tại chỗ.

+ Trung đội trưởng; Tiểu đội trưởng Dân quân thường trực: 280.800 đồng;

+ Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng: 234.000 đồng.

- Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân cơ động, Dân quân thường trực:

+ Mức phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự được tính bằng 50% tổng phụ cấp hiện hưởng gồm: Phụ cấp hàng tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên.

+ Thời gian được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự, tính từ ngày có quyết định bổ nhiệm và thực hiện cho đến khi có quyết định thôi giữ chức vụ đó; trường hợp giữ chức vụ từ 15 ngày trở lên trong tháng thì được hưởng phụ cấp cả tháng, giữ chức vụ dưới 15 ngày trong tháng thì được hưởng 50% phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của tháng đó.

Kinh phí bảo đảm phụ cấp tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự: **5.904.288.000** đồng (*Ngân sách địa phương bảo đảm*)

(Chi tiết tại Phụ lục 3 khái toán kinh phí kèm theo)

1.1.3. Bảo đảm tiền ăn, trợ cấp ngày công lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, trợ cấp một lần đối với Dân quân thường trực (*thực hiện theo Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP và Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ*).

* Khi dân quân tham gia huấn luyện, diễn tập, hoạt động, khi làm nhiệm vụ khác theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt được hưởng trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn, phụ cấp đặc thù đi biển, định mức quy định như sau:

- Đối với dân quân: Mức trợ cấp ngày công lao động 327.600 đồng, trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm bằng 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng (tương đương 163.800 đồng/ngày); được hưởng tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam (hiện nay là 72.000 đồng/người/ngày); trường hợp dân quân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, mức trợ cấp ngày công lao động tăng thêm bằng 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng (tương đương 163.800 đồng/ngày).

- Đối với Dân quân thường trực

+ Mức trợ cấp một lần cho Dân quân thường trực khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình, cứ mỗi năm phục vụ trong đơn vị Dân quân thường trực được trợ cấp bằng 4.680.000 đồng. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 2.340.000 đồng; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng 4.680.000 đồng.

+ Mức hưởng các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiêu chuẩn vật chất hậu cần như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế {được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội 517.500 đồng/tháng (= lương cơ sở 2.340.000 x 22,5%), bảo hiểm y tế 804.600 đồng/năm}.

Kinh phí bảo đảm: **53.702.131.300** đồng.

(Chi tiết khái toán tại Phụ lục 4 thực chi).

Trong đó:

Ngân sách tỉnh bảo đảm: **14.955.408.000** đồng (Chi tiết phụ lục 4.1)

Ngân sách địa phương bảo đảm: **38.746.723.300** đồng (Chi tiết phụ lục 4.2)

1.2. Kinh phí bảo đảm công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất; bảo đảm khen thưởng

Kinh phí bảo đảm: **2.067.485.000** đồng (Ngân sách tỉnh bảo đảm)

(Chi tiết tại Phụ lục 05 khái toán kinh phí kèm theo).

2. Phân kỳ bảo đảm hàng năm

Khái toán tổng kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026-2030 là: **71.430.474.520** đồng. Trong đó chi thường xuyên: **70.029.876.980** đồng; Kinh phí dự phòng: **1.400.597.540** đồng.

* Năm 2026: **17.880.041.428** đồng

- Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 17.529.452.380 đồng.

+ Nguồn tỉnh bảo đảm: 7.312.857.800 đồng.

+ Nguồn địa phương bảo đảm: 10.216.594.580 đồng.

- Dự phòng phát sinh 2%: 350.589.048 đồng.

* Năm 2027: **12.153.043.225** đồng

- Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 11.914.748.260 đồng.

+ Nguồn tỉnh bảo đảm: 3.851.598.080 đồng.

+ Nguồn địa phương bảo đảm: 8.063.150.180 đồng.

- Dự phòng phát sinh 2%: 238.294.965 đồng.

* Năm 2028: **13.444.987.241** đồng

- Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 13.181.360.040 đồng.

+ Nguồn tỉnh bảo đảm: 5.118.209.860 đồng.

+ Nguồn địa phương bảo đảm: 8.063.150.180 đồng.

- Dự phòng phát sinh 2%: 263.627.201 đồng.

* Năm 2029: **14.685.787.579** đồng.

- Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 14.397.830.960 đồng.

+ Nguồn tỉnh bảo đảm: 4.152.864.780 đồng.

+ Nguồn địa phương bảo đảm: 10.244.966.180 đồng.

- Dự phòng phát sinh 2%: 287.956.619 đồng.

* Năm 2030: **13.226.615.047** đồng

- Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 13.006.485.340 đồng.

+ Nguồn tỉnh bảo đảm: 4.943.335.160 đồng.

+ Nguồn địa phương bảo đảm: 8.063.150.180 đồng.

- Dự phòng phát sinh 2%: 260.129.707 đồng.

3. Nguồn kinh phí, ngân sách để thực hiện

- Kinh phí, ngân sách nhà nước đảm bảo cho hoạt động của Dân quân tự vệ được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cấp trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách theo quy định của Chính phủ, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về phân định nhiệm vụ thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách giai đoạn 2026-2030.

- Nguồn thu hợp pháp khác.

4. Phân cấp ngân sách bảo đảm

4.1. Ngân sách của tỉnh bảo đảm chi cho thực hiện các chế độ sau:

- Chế độ cho lực lượng Dân quân tự vệ khi Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh huy động thực hiện nhiệm vụ tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao và diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, Quân khu; cứu nạn, phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

- Bảo đảm trang phục cho lực lượng Dân quân tự vệ.

- Mua sắm trang bị công cụ hỗ trợ cho Dân quân tự vệ toàn phường.

- Khen thưởng đơn vị, cá nhân Dân quân tự vệ đột xuất theo phân cấp.

4.2. Ngân sách phường bảo đảm ngân sách chi cho thực hiện các chế độ:

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ được tổ chức ở phường (kể cả các đại đội pháo binh, phòng không thuộc tỉnh).

- Chế độ phụ cấp thâm niên.
- Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.
- Chế độ cho lực lượng Dân quân thường trực.
- Chế độ cho lực lượng dân quân khi huy động để thực hiện nhiệm vụ tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao; trực sẵn sàng chiến đấu, các hoạt động phòng thủ dân sự.
- Chế độ cho lực lượng Dân quân bị ốm đau, tai nạn, bị chết, bị thương hoặc hy sinh trong khi huấn luyện, hoạt động.

4.3. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng ngân sách

Quản lý ngân sách, sử dụng, thanh quyết toán chi cho lực lượng Dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.4. Ngân sách hàng năm

Căn cứ vào khả năng ngân sách của phường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bảo đảm ngân sách cho lực lượng Dân quân tự vệ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân phường

- Lập kế hoạch bảo đảm ngân sách chi nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, hoạt động, chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ và các nội dung khác được xác định trong Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, dự toán và thanh quyết toán ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác Dân quân tự vệ theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ban Doanh trại Bộ CHQS tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để khảo sát chọn vị trí xây dựng nhà làm việc, thao trường huấn luyện Dân quân tự vệ để nâng cao chất lượng huấn luyện sát với địa hình thực tế ở địa phương.

- Chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự phường hằng năm lập Kế hoạch xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ báo cáo về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ theo quy định và chính sách hậu phương quân đội.

2. Ban chỉ huy quân sự phường

- Chủ trì, phối hợp cùng các ban, ngành có liên quan quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Đề án giai đoạn 2026-2030.

- Hàng năm lập Kế hoạch xây dựng lực lượng DQTV, báo cáo Ủy ban nhân dân phường và Bộ CHQS tỉnh Khánh Hòa. Tham mưu UBND phường chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác DQTV chặt chẽ, chất lượng và hiệu quả.

Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV trên địa bàn.

- Phối hợp với các ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo xây dựng lực lượng DQTV gắn với xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

- Phối hợp với các ban ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết việc thực hiện Đề án theo định kỳ hàng năm và theo từng giai đoạn, tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án đã ban hành.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường

Phối hợp với Ban CHQS phường tham mưu Ủy ban nhân dân phường và các ngành giải quyết các nội dung liên quan thuộc thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

4. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

- Phối hợp với Ban CHQS phường lập kế hoạch bảo đảm ngân sách chi nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, hoạt động, chế độ chính sách cho lực lượng DQTV và các nội dung khác được xác định trong Đề án; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, dự toán và thanh quyết toán ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác DQTV theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

- Chủ trì phối hợp với các ban ngành và Ban CHQS phường tham mưu UBND phường và Hội đồng nhân dân phường về chủ trương đầu tư sử dụng nguồn vốn theo Đề án; khảo sát chọn vị trí xây dựng thao trường huấn luyện Dân quân để nâng cao chất lượng huấn luyện, sát với địa hình thực tế ở địa phương, đồng thời tham mưu cân đối, bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030 phù hợp với khả năng chi đầu tư của phường trong cả giai đoạn.

5. Phòng Văn hóa – Xã hội phường

- Phối hợp với Ban CHQS phường trong việc giải quyết, bảo đảm các chế độ chính sách đối với DQTV đúng theo quy định của Pháp luật.

6. Các cơ quan, đơn vị khác

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ban CHQS phường tham mưu Ủy Ban nhân dân phường giải quyết tốt chế độ, chính sách và các nội dung liên quan đối với lực lượng DQTV trên địa bàn đúng quy định của pháp luật.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, tổng kết

- Hàng năm Ban CHQS phường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra kết quả thực hiện Đề án, báo cáo cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường.

- Kết thúc thực hiện Đề án giai đoạn 2026-2030 tổ chức tổng kết, đề xuất chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng Dân quân trong thời gian tiếp theo, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng đặt ra./.